TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/TCDS-ST
Ngày 19 - 9 - 2017
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Ông Phan Thanh Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST-TCDS ngày 21/7/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-TCDS ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà, sinh Nguyễn Thị Tnăm 1971

Trú tại: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Trú tại: Khu phố 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2017, Bản tự khai, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Khoảng từ tháng 10 năm 2015, bà Nguyễn Thị L có tham gia góp hụi (họ) cùng 30 người khác do bà làm chủ hụi theo phương thức hụi có lãi. Tuy nhiên mức lãi suất không quy định cụ thể mà các thành viên được chia đều từ tiền đấu hụi tại

các kỳ lĩnh hụi. Bà L tham gia góp 02 phần trong tổng số 40 phần hụi (quy ước mức góp 100.000 đồng/ngày/mỗi phần hụi). Sau khi nộp hụi được 10 ngày thì tiến hành lĩnh hụi theo hình thức đấu phiếu kín, phiếu kín của ai đấu cao tiền hơn thì người đó sẽ được nhận hụi, số tiền đấu đó được chia đều cho 40 phần hụi. Theo đó, đến kỳ lĩnh hụi lần thứ nhất và lần thứ hai, bà L luôn là thành viên có số tiền đấu phiếu kín cao nhất nên bà được nhận 80.000.000 đồng cho 02 phần hụi mà bà tham gia. Sau khi nhận số tiền trên, bà L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng hụi của mình cho tới khi đóng được 28.000.000 đồng thì bà xin nợ lại hụi 52.000.000 đồng do bà trình bày hoàn cảnh đau ốm, khó khăn. Bản thân bà là chủ hụi nên đã phải trực tiếp nhận trả số nợ 32.000.000 đồng của bà L cho các thành viên còn lại tham gia góp hụi. Đến ngày tổng kết hụi, do phải gánh phần hụi của bà L nên bà phải khất các thành viên trong dây hụi 20.000.000 đồng tiền lãi của 40 suất hụi. (mỗi phần hụi 500.000 đồng). Tổng cộng bà phải gánh cho bà L 52.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần gặp trực tiếp bà L để yêu cầu bà L trả lại số tiền nợ hụi nhưng bà L không trả. Đến ngày 29/5/2016, bà L viết giấy ghi nhận số nợ là 52.000.000 đồng và hứa sẽ trả đủ 01 lần cho bà. Tuy nhiên, từ thời gian đó đến nay đã hơn 01 năm mà bà L vẫn không trả. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả đủ 01 lần cho bà số tiền còn lại là 52.000.000 đồng.

Về phía bị đơn, tại bản tự khai và quá trình hòa giải, bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận có việc bà hiện còn nợ tiền hụi 52.000.000 đồng; trong đó 32.000.000 đồng là tiền mặt của bà T, 20.000.000 đồng còn lại là tiền lãi của 40 phần hụi (mỗi phần hụi lãi 500.000 đồng) nhưng do bà không có tiền để trả cho bà T nên bà T phải nợ lại các thành viên trong dây hụi. Tuy nhiên, do bà T là chủ hụi nên bà thừa nhận mình nợ trực tiếp bà T số tiền 52.000.000 đồng như bà đã trình bày ở trên, đồng thời cũng hoàn toàn thừa nhận toàn bộ nội dung mà bà T trình bày là đúng sự thật. Sau khi nhận đủ 02 phần hụi với tổng số tiền 80.000.000 đồng, bà vẫn thực hiện việc góp hụi cho tới khi góp được 28.000.000 đồng thì do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin nợ lại hụi số tiền là 52.000.000 đồng. Nay bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả số tiền nợ hụi còn lại cho bà T là 52.000.000 đồng thì bà hoàn toàn đồng ý nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quá trình hòa giải, hai bên không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự đều giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn và bị đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, không gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung, căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà T số tiền nợ là 52.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Trong quá trình tham gia góp, đấu và lĩnh hụi tại dây hụi do bà Nguyễn Thị T làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ 02 phần hụi trong 02 lần đấu với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (mỗi lần đấu được nhận 40.000.000 đồng tương ứng với 40 phần hụi). Sau đó, bà L chỉ đóng hụi được 28.000.000 đồng thì do điều kiện hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên đã xin nợ lại dây hụi 52.000.000 đồng. Bản thân là chủ hụi nên bà T phải nhận trách nhiệm trả 52.000.000 đồng là phần nghĩa vụ góp hụi của bà L cho các thành viên cùng tham gia góp hụi, vì vậy, trong thực tế, bà L đã trực tiếp nợ bà T số tiền 52.000.000 đồng. Đã nhiều lần bà T yêu cầu bà L phải trả hết số nợ đó cho bà T nhưng do không có tiền trả nên vào ngày 29/5/2016 hai bên đã thỏa thuận viết giấy ghi nhận nợ, không thỏa thuận về lãi và thời gian trả nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp liên quan đến số tiền hụi trên là hình thức "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản tiền nợ trên thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung của vụ án: Theo sự thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L thì sau khi đấu trúng hai phần hụi với tổng giá trị 80.000.000 đồng, bà L chỉ tham gia góp hụi được 28.000.000 đồng thì không tham gia góp hụi nữa, dẫn đến bà T là chủ hụi phải bỏ tiền ra thanh toán cho các thành viên khác thay cho bà L với tổng số tiền 52.000.000 đồng. Do chưa có tiền thanh toán cho bà T nên ngày 29/5/2016 bà L viết giấy nhận nợ bà T số tiền 52.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L đều thừa nhận yêu cầu khởi kiện cũng như các chứng cứ mà bà Nguyễn Thị T đưa

ra. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà L đề nghị được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền. Bà T không đồng ý với phương thức thanh toán nợ mà bà L đề nghị. Xét thấy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ đóng góp tiền hụi theo thỏa thuận, dẫn đến bà T là chủ hụi đã phải thực hiện nghĩa vụ thay nghĩa vụ góp hụi của bà L đối với các thành viên trong dây hụi với số tiền 52.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà L là có căn cứ, dó đó, cần chấp nhận để buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nói trên cho bà T theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

[3] Về lãi suất: Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, hai bên thỏa thuận bà L không phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ khi bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền cũng như thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả sau này (kể cả trong giai đoạn thi hành án). Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng như phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của Bà Lnên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị L có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bà L có đơn xin giảm tiền án phí và đơn của bà có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giảm 50% tiền án phí cho bà Nguyễn Thị L. Như vậy, bà L còn phải nộp 1.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 52.000.000 đồng *(Năm mươi hai triệu đồng)*.

Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền lãi đối với số tiền nợ nói trên .

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải nộp 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* mà bà Tđã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002970, ngày 21/7/2017.

" Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN MIỄN NỘP TIỀN ÁN PHÍ

Kính gửi: - Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình
- Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Tôi là: ..... Sinh ngày: .....
CMND số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Hiện trú tại: ……
……

Tòa án nhân dân thị xã B đã tiến hành nhận đơn và giải quyết vụ kiện dân sự về việc đòi lại tài sản giữa tôi và chị Nguyễn Thị T(trú tại tổ dân phố Chùa, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình).

Tôi với vai trò là bị đơn trong vụ kiện xin được trình bày lý do làm đơn này như sau:

Hoàn cảnh gia đình tôi hiện rất khó khăn, bản thân tôi thường xuyên đau ốm lại đang nuôi con bị chấn thương thần kinh nên không có khả năng nộp tiền án phí. và Tôi là bị đơn trong vụ kiện dân sự về việc đòi lại tài sản giữa:

Vậy, tôi viết đơn này kính mong Quý toà xem xét hoàn cảnh kinh tế và điều kiện về hoàn cảnh của tôi để miễn, giảm tiền án phí cho tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Ba Đồn, ngày tháng năm 2017

Người làm đơn

Xác nhận của UBND xã (phường).....: (Ký và ghi rõ họ tên)